

Phụ lục số III

BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY

(Ban hành kèm theo Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

**CÔNG TY TÀI CHÍNH CP
HÓA CHẤT VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 214 /2013/BC-TCHC

Hà Nội, ngày 16 tháng 7 năm 2013

BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY

(6 tháng/năm 2013)

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán

- + Tên công ty: **Công ty Tài chính Cổ phần Hóa chất Việt Nam**
- + Địa chỉ trụ sở chính: Số 4- Phạm Ngũ Lão- Quận Hoàn Kiếm- Hà Nội
- + Điện thoại: 04.39333032 Fax: 04.39333031 Email: vcfc.com.vn
- + Vốn điều lệ: 600.000.000.000 đồng
- + Mã chứng khoán (nếu có):

I. Hoạt động của Hội đồng Quản trị (Báo cáo 6 tháng/năm):

1. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
01	Lê Ngọc Quang	Chủ tịch	01	100%	
02	Nguyễn Văn Hiệu	Ủy viên	01	100%	
03	Phan Thị Hồng Vân	Ủy viên	01	100%	
04	Nguyễn Thế Năng	Ủy viên	01	100%	
05	Bùi Văn Thắng	Ủy viên	01	100%	
06	Nguyễn Tiến Trung	Ủy viên	01	100%	

1. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Tổng Giám đốc:

- Từ đầu năm đến nay, HĐQT đã tổ chức họp 01 lần vào ngày 11/3/2013. Cuộc họp đã thông qua phương án nhân sự dự kiến bầu làm thành viên HĐQT, BKS VCFC nhiệm kỳ 2013-2018 và đã được nhất trí tại ĐHĐCĐ (tổ chức vào ngày 26/4/2013). Theo đó, danh sách nhân sự hiện tại của VCFC như sau:

- + Ông Lê Ngọc Quang- Chủ tịch HĐQT
- + Ông Phùng Quang Hiệp- Ủy viên
- + Ông Nguyễn Lâm Dũng - Ủy viên
- + Ông Nguyễn Thế Năng - Ủy viên
- + Bà Hồ Thị Hương - Ủy viên
- + Bà Nguyễn Thị Thanh Minh - Ủy viên
- + Ông Nguyễn Minh Thiện – Thành viên HĐQT độc lập



Handwritten signature

- Mặc dù nhân sự của HĐQT có sự thay đổi, song hoạt động của HĐQT vẫn luôn được giữ vững và ngày càng hiệu quả. HĐQT thực hiện tốt quyền hạn và nhiệm vụ của mình trong việc giám sát công tác chỉ đạo, điều hành các hoạt động kinh doanh và đầu tư của Tổng Giám đốc và Ban Điều hành Công ty thông qua các Nghị quyết, Quyết định đã ban hành. Bên cạnh đó có những ý kiến chỉ đạo và đóng góp tại cuộc họp trực tiếp cũng như thông qua ý kiến bằng văn bản nhằm đảm bảo việc triển khai Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên đạt hiệu quả cao.

- HĐQT phối hợp chặt chẽ với Ban Điều hành Công ty giải quyết kịp thời những vướng mắc, khó khăn nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động kinh doanh và đầu tư của Công ty luôn ổn định và đảm bảo an toàn, hoàn thành tốt mục tiêu kế hoạch kinh doanh đặt ra.

2. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: không có.

II. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng Quản trị (Báo cáo 6 tháng/năm):

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
01	001/2013/ NQ-HĐQT-TCHC	11/01/2013	NQ v/v thống nhất phê duyệt “Kế hoạch kinh doanh năm 2013 của Công ty tài chính CP Hóa chất Việt Nam”
02	004/2013/NQ-HĐQT-TCHC	25/2/2013	NQ ban hành “Quy chế kinh doanh vốn liên ngân hàng” (sửa đổi, bổ sung)
03	005/2013/NQ-HĐQT-TCHC	25/2/2013	NQ ban hành sửa đổi “Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT VCFC”
04	006/2013/NQ-HĐQT-TCHC	25/2/2013	NQ ban hành sửa đổi “Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT VCFC”
05	007/2013/NQ-HĐQT-TCHC	01/3/2013	NQ ban hành “Quy chế xử lý rủi ro tín dụng của VCFC”
06	008/2013/NQ-HĐQT-TCHC	01/3/2013	NQ ban hành “Quy chế tổ chức & hoạt động của Hội đồng xử lý rủi ro tín dụng tại VCFC”
07	009/2013/NQ-HĐQT-TCHC	11/3/2013	NQ HĐQT tại phiên họp HĐQT lần thứ 1 năm 2013
08	010/2013/NQ-HĐQT-TCHC	28/3/2013	NQ HĐQT thông qua “Phương án phân chia lợi nhuận năm 2012 của VCFC”
09	012/2013/NQ-HĐQT-TCHC	04/4/2013	NQ v/v sửa đổi, bổ sung “Quy định chức năng, nhiệm vụ các Phòng/Ban trực thuộc TGD VCFC”
10	018/2013/NQ-HĐQT-TCHC	10/4/2013	NQ phê duyệt thay đổi ngày họp ĐHĐCĐ thường niên 2013

Handwritten signature

11	019/2013/NQ-HĐQT-TCHC	10/4/2013	NQ phê duyệt bổ sung nhân sự dự kiến bầu thành viên HĐQT VCFC nhiệm kỳ 2013-2018
12	020/2013/NQ-HĐQT-TCHC	10/4/2013	NQ phê duyệt ủy quyền cho TGD xem xét, chấp thuận các Hoạt động, giao dịch KDV với các TCTD thuộc đối tượng quy định tại Điều 69 Điều lệ VCFC
13	022/2013/NQ-HĐQT-TCHC	17/5/2013	NQ phê duyệt “tiếp tục triển khai nghiệp vụ mua bán trái phiếu doanh nghiệp tại VCFC”
14	023/2013/NQ-HĐQT-TCHC	20/5/2013	NQ phê duyệt “Phương án chi trả cổ tức 2012”
15	024/2013/QĐ-HĐQT-TCHC	02/5/2013	QĐ ban hành “Quy chế tổ chức & hoạt động của BKS” (thay thế QĐ cũ)
16	025/2013/QĐ-HĐQT-TCHC	02/5/2013	QĐ ban hành “Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT tại Công ty Tài chính CP Hóa chất VN” thay thế QĐ cũ)
17	026/2013/QĐ-HĐQT-TCHC	02/5/2013	QĐ bổ nhiệm thành viên Ủy ban nhân sự nhiệm kỳ 2013-2018
18	027/2013/QĐ-HĐQT-TCHC	02/5/2013	QĐ bổ nhiệm thành viên UB quản lý rủi ro nhiệm kỳ 2013-2018
19	028/2013/NQ-HĐQT-TCHC	31/5/2013	NQ phê duyệt việc triển khai Đề án cơ cấu lại hệ thống các TCTD giai đoạn 2011-2015 của VCFC
20	029/2013/QĐ-HĐQT-TCHC	03/6/2013	QĐ thành lập tổ chỉ đạo xây dựng đề án cơ cấu lại VCFC và thành phần tham dự của tổ
21	030/2013/NQ-HĐQT-TCHC	28/6/2013	NQ phê duyệt “Quy trình kiểm toán nội bộ tại VCFC”

304
TỶ
INH
AN
HẬT
JAM
1-TP

III. Thay đổi danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng theo quy định tại khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán (Báo cáo 6 tháng/năm): không có

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND/ĐKKD	Ngày cấp CMND/ĐKKD	Nơi cấp CMND/ĐKKD	Địa chỉ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do

IV. Giao dịch của cổ đông nội bộ và người liên quan (Báo cáo 6 tháng/năm):

Handwritten signature

1. Danh sách cổ đông nội bộ và người có liên quan (Danh sách người có liên quan của cổ đông nội bộ gửi kèm theo báo cáo này): không có

Stt	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND/ĐKKD	Ngày cấp CMND/ĐKKD	Nơi cấp CMND/ĐKKD	Địa chỉ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú

2. Giao dịch cổ phiếu:

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Lê Ngọc Quang		6.000	0.01			
2	Phan Thị Hồng Vân		10.000	0.02			
3	Nguyễn Thị Yên Oanh	Nguyễn Thế Năng	5.000	0.01			
4	Bùi Văn Thắng		1.300.000	2.17			
5	Nguyễn Tiến Trung		1.450.000	2.42			
6	Nguyễn Thị Thu Hà		6.000	0.01			
7	Phùng Quang Hiệp		200.000	0.33			
8	Lê Xuân Thọ		5.000	0.01			

3. Các giao dịch khác (các giao dịch của cổ đông nội bộ/cổ đông lớn và người liên quan với chính Công ty): Không có

V. Các vấn đề cần lưu ý khác: Không có

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- P. TV&ĐT;
- Lưu: HĐQT; VT.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 



Lê Ngọc Quang

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng	Chức vụ /Quan hệ	Số CMND/ ĐKKD	Ngày cấp CMND/ ĐKKD	Nơi cấp CMND/ ĐKKD	Địa chỉ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ
I. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ									
1	Lê Ngọc Quang		Chủ tịch HĐQT	012132176	29/5/1998	CA Hà Nội			
1.1	Lê Đức Quảng		Bố	130047189	4/7/1978	CA Phú Thọ			
1.2	Nguyễn Thị Lư		Mẹ	130082546	9/8/1978	CA Phú Thọ			
1.3	Nguyễn Thị Thu Nga		Vợ	012132177	5/5/1998	CA Hà Nội			
1.4	Lê Ngọc Thu Thảo		Con gái	Còn nhỏ					
1.5	Lê Ngọc Thu Hương		Con gái	Còn nhỏ					
1.6	Lê Huyền Ngọc		Chị gái	130780370					
1.7	Lê Huyền Nga		Chị gái	012805437	3/3/2006	CA Hà Nội			
1.8	Lê Thanh Hằng		Chị gái	013167722					
1.9	Nguyễn Hữu Hiếu		Anh rể	131125190					
1.10	Nguyễn Công Minh		Anh rể	011841733					

1.11	Nguyễn Trường Giang		Anh rể	013167721					
2	Phùng Quang Hiệp		Ủy viên HĐQT; Tổng Giám đốc VCFC	025143116	1/8/2009	CA TP.HCM			
2.1	Phùng Quang Luyện		Bố	135397641	14/9/2006				
2.2	Nguyễn Thị Hữu		Mẹ	135370938	12/2/2004				
2.3	Trần Thị Thu Hương		Vợ	025143117	01/08/2009				
2.4	Phùng Quang Hòa		Con trai						
2.5	Phùng Trần Ý Nhi		Con gái						
2.6	Phùng Quang Tuyển		Anh trai	135270973	18/6/2003				
2.7	Phùng Thị Nhung		Chị gái	135082164	20/5/1999				
2.8	Phùng Quang Tuấn		Em trai	135378868	21/9/2004				
2.9	Phùng Thị Hương		Em gái	135120085	02/11/2000				
2.10	Lã Thị Thu Hà		Chị dâu	135524913	06/9/2011				
2.11	Nguyễn Thị Hoàng Yến		Em dâu	135038996	30/7/1998				
2.12	Nguyễn Tấn Kiên		Em rể	225142499	7/7/1998				
3	Nguyễn Lâm Dũng		Ủy viên HĐQT	011775118	15/8/2005	CA.Hà Nội			
3.1	Nguyễn Văn Thùy		Bố	010558744	17/11/2007	CA.Hà Nội			
3.2	Đặng Thị Hưng		Mẹ	010236145	03/02/1994	CA.Hà Nội			

Handwritten signature

4	Nguyễn Thế Năng		Ủy viên HĐQT	010997521	16/3/2006	CA Hà Nội			
4.1	Nguyễn Thế Linh		Bố	Đã mất					
4.2	Nguyễn Thị Hiền		Mẹ	Đã mất					
4.3	Nguyễn Thị Yến Oanh		Vợ	011676267	02/5/2008	CA Hà Nội			
4.4	Nguyễn Quỳnh Anh		Con	Còn nhỏ					
4.5	Nguyễn Trúc Anh		Con	Còn nhỏ					
4.6	Nguyễn Thị Thúy Hằng		Chị gái	N1047345	26/9/2006	Đại Sứ Quán VN tại Moscow-Nga			
4.7	Nguyễn Trọng Chung		Anh rể	N1047344	26/10/2006				
4.8	Nguyễn Thị Phi Nga		Em gái	011249016	15/3/2007	CA Hà Nội			
4.9	Trần Triệu Long		Em rể	011095531	30/5/2012				
4.10	Nguyễn Thế Hải		Em	011629008	14/6/2004	CA Hà Nội			
5	Hồ Thị Hường		Ủy viên HĐQT	012886394	20/9/2007	CA. Hà Nội			
5.1	Hồ Kim Quy		Bố						
5.2	Nguyễn Thị Tình		Mẹ	Số Hộ chiếu B2900138	02/4/2009	Cục quản lý XNC			
5.3	Hồ Văn Thắng		Anh trai	101167020	10/2/2009	CA. Quảng Ninh			
5.4	Lê Thị Quỳnh Hương		Chị dâu	100983131	22/3/2005	CA. Quảng Ninh			
5.5	Hồ Minh Lợi		Anh trai	EC 376912	14/9/2012	Zvolen, Slovakia			
5.6	Nguyễn Thị Thúy		Chị dâu	RC 3104180	02/12/2011				

th

5.7	Hồ Thị Hồng		Chị gái	183981022	22/9/2009	Hà Tĩnh			
5.8	Trần Danh Tuyên		Anh rể	183734365	13/9/2006	Nghệ An			
5.9	Hồ Thị Minh Hà		Chị gái	181909746	10/6/1990	Hà Tĩnh			
5.10	Nguyễn Văn Đình		Anh rể	89011834	15/12/2009	Quân chủng phòng không không quân			
5.11	Nguyễn Xuân Thành		Chồng	111663191	21/8/2007	Hà Tây			
5.12	Phan Sỹ Nguyên		Con trai	Còn nhỏ					
5.13	Phan Sỹ Cường		Con trai	Còn nhỏ					
5.14	Phan Hồ Gia Hân		Con gái	Còn nhỏ					
6	Nguyễn Thị Thanh Minh		Ủy viên HĐQT	121142653	10/01/2002	CA.Bắc Giang			
6.1	Nguyễn Hòa Bình		Bố đẻ						
6.2	Nguyễn Thị Thục		Mẹ đẻ	120030238	16/3/1978				
6.3	Trần Thái Sơn		Chồng	011416413	15/8/2006				
6.4	Trần Minh Hằng		Con	012977047	16/5/2007				
6.5	Trần Diệp Hằng		Con	013349310	25/01/2011				
6.6	Nguyễn Thị Thanh		Chị ruột	142851034	10/3/2012				
6.7	Lê Đình Bình		Anh rể	141796904	09/4/1994				
6.8	Nguyễn Thị Thanh Tuyết		Chị ruột	99B35151	15/10/2010				

6.9	Nguyễn Bá Nhung		Anh rể	112115042	13/7/2007				
6.10	Nguyễn Thị Tuyết Nga		Chị ruột	111618445	09/02/2012				
6.11	Phan Trung Thành		Anh rể	111079251	13/10/2010				
6.12	Nguyễn Thị Kim Thu		Chị ruột	012496966	12/5/2002				
6.13	Đỗ Chí Hùng		Anh rể	011600141	13/5/2002				
7	Nguyễn Minh Thiện		Ủy viên HĐQT	020966147	13/11/1998	CA.TP HCM			
7.1	Nguyễn Thế Xương		Bố	Đã mất					
7.2	Phạm Thị Bội		Mẹ	Đã mất					
7.3	Phùng Thị Ngọc Thúy		Vợ	022021703	02/04/2003				
7.4	Nguyễn Phùng Khởi Phụng		Con đẻ	025279624	04/04/2010				
7.5	Nguyễn Ngọc Bảo Trân		Con đẻ	025599912	19/02/2012				
7.6	Nguyễn Thị Mai		Chị gái	270229060	30/10/2010				
7.7	Nguyễn Tấn Văn		Anh rể	270631034	31/7/2007				
7.8	Nguyễn Thị Thanh		Chị gái	020134371	20/3/2006				
7.9	Nguyễn Chính Thắng		Anh ruột	020966047	05/04/2004				
	Nguyễn Ái Hằng		Chị dâu	024250439	05/4/2004				
	Nguyễn Thị Ngọc Bích		Chị gái	020966058	12/9/2006				
	Nguyễn Thị Tiên		Em gái	021708436	05/3/2008				

th

	Lê Trọng Nghĩa		Em rể	022020230	10/4/2010				
II. BAN KIỂM SOÁT									
1	Nguyễn Thị Thu Hà		Trưởng BKS	012919584	14/12/2006	CA Hà Nội			
1.1	Nguyễn Xuân Mai		Bố	Đã mất					
1.2	Nguyễn Thị Tứ		Mẹ	130093358	17/7/1978	CA.Vĩnh Phú			
1.3	Bùi Huy Hồng		Chồng	013119341	07/10/2008	CA.Hà Nội			
1.4	Bùi Đình Đô		Con trai	0129195571	11/01/2007	CA.Hà Nội			
1.5	Bùi Thành Vinh		Con trai	Còn nhỏ					
1.6	Nguyễn Xuân Thủy		Anh trai	130776109	16/7/1997	CA.Phú Thọ			
1.7	Nguyễn Xuân Sơn		Anh trai	010779244	29/4/2003	CA.Hà Nội			
1.8	Nguyễn Thị Thanh Ngân		Em gái	131021406	16/8/2010	CA.Phú Thọ			
1.9	Nguyễn Thị Kim Liên		Em gái	131016447	26/7/2001	CA.Phú Thọ			
1.10	Nguyễn Thị Đức		Chị gái	Đã mất					
1.11	Nguyễn Thị Hải		Chị gái	135120073		CA.Vĩnh Phúc			
1.12	Trịnh Trung Thành		Anh rể	131211040	29/12/2000	CA.Phú Thọ			
1.13	Tạ Thị Thu Hà		Chị dâu	012618673	02/6/2003	CA.Hà Nội			
1.14	Triệu Đức Chính		Anh rể	135618343	15/7/2010	CA.Vĩnh Phúc			
1.15	Nguyễn Quỳnh Hoa		Chị dâu	130922412	15/6/2005	CA Phú Thọ			

th

1.16	Nguyễn Văn Liêm		Em rể	130986794	07/9/2012	CA.Phú Thọ			
1.17	Phạm Văn Tuyền		Em rể	131074370	11/7/2009	CA.Phú Thọ			
2	Nguyễn Thị Bầy		Thành viên BKS	013146147	25/12/2008	CA Hà Nội			
2.1	Nguyễn Văn Kỳ		Bố	Đã mất					
2.2	Ngô Thị Hòa		Mẹ	Đã mất					
2.3	Lê Trung Dũng		Chồng	013224735	14/9/2009	CA.Hà Nội			
2.4	Lê Thị Thùy Dương		Con gái	012637730	01/4/2005	CA Hà Nội			
2.5	Lê Hải Yến		Con gái	013202429	02/6/2009	CA Hà Nội			
2.6	Lê Vũ Thắng		Con trai	013114928	02/10/2008	CA Hà Nội			
2.7	Huỳnh Xuân Phương		Con rể	011889208	11/6/2010	CA.Hà Nội			
2.8	Nguyễn Tiến Long		Con rể	013311692	26/6/2010	CA.Hà Nội			
2.9	Nguyễn Thị Mai		Chị gái	120941112	28/12/2011	CA.Bắc Giang			
2.10	Ngô Xuân Thu		Anh rể	120761001	28/12/2011	CA.Bắc Giang			
2.11	Nguyễn Văn Cầu		Anh trai	Đã mất					
2.12	Đặng Thị Chiên		Chị dâu	120124880	28/01/2005	CA.Bắc Giang			
2.13	Nguyễn Văn Bé		Anh trai	120788450	10/3/2009	CA.Bắc Giang			
2.14	Trần Minh Thất		Chị dâu	120124815	25/12/2010	CA.Bắc Giang			
2.15	Nguyễn Thị Hon		Chị gái	120173676	10/12/2008	CA.Bắc Giang			

12

2.16	Nguyễn Văn Siêng		Anh trai	120002064	15/8/2008	CA.Bắc Giang			
2.17	Nguyễn Thị Hào		Chị dâu	120002066	10/3/2009	CA.Bắc Giang			
2.18	Nguyễn Văn Sáu		Anh trai	Liệt sỹ thời kỳ chống Mỹ					
3	Vũ Thị Mai Nhung		Thành viên BKS	013417174	14/5/2011	CA.Hà Nội			
3.1	Bùi Anh Chiến		Chồng	013417175	14/5/2011				
3.2	Bùi Anh Đức		Con	013417861	21/5/2011				
3.3	Phan Thị Mùi		Mẹ đẻ	012600964	16/6/2003				
3.4	Vũ Thị Minh Giang		Chị gái	011600661	27/11/2005				
3.5	Nguyễn Gia Tường		Anh rể	011339668	30/8/2006				
3.6	Vũ Minh Sơn		Anh trai	013017972	05/3/2010				
3.7	Trần Minh Thu		Chị dâu	013017995	02/12/2007				

III . BAN ĐỀU HÀNH

1	Phùng Quang Hiệp		Tổng Giám Đốc	025143116	1/8/2009	CA TP.HCM			
2	Lê Xuân Thọ		P.TGD	013311700	3/6/2010	CA Hà Nội			
2.1	Lê Văn Cánh		Bố						
2.2	Ngô Thị Đĩnh		Mẹ						
2.3	Hoàng Mai Hương		Vợ						
2.4	Lê Hoàng Xuân Thịnh		Con						

m

2.5	Lê Mai Phương		Con						
2.6	Lê Đông Khang		Em						
2.7	Lê Thị Quỳnh Nga		Em						
2.8	Lê Thị Quỳnh Lan		Em						
3	Phan Thị Hồng Vân		P.TGD	111298301	25/4/1994	CA Hà Nội			
3.1	Phan Đăng Viên		Bố	110006367	6/10/2004				
3.2	Lê Thị Thoa		Mẹ	111728124	13/5/2003				
3.3	Phạm Quý Hùng		Chồng	060557818	21/4/2006	CA Yên Bái			
3.4	Phạm Hữu Thanh		Con						
3.5	Phạm Quang Anh		Con						
3.6	Phan Đăng Khánh		Em						
3.7	Phan Thị Thu Trang		Em	111731976	6/6/2000				

Handwritten signature